

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ IV NĂM 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số dư tại ngày 31/12/2017	Số dư tại ngày 01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		315.682.717.549	329.903.644.456
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	93.580.035.383	87.141.844.393
1. Tiền	111		24.752.639.397	20.078.643.351
2. Các khoản tương đương tiền	112		68.827.395.986	67.063.201.042
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	36.462.563.187	39.562.588.005
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		36.462.563.187	39.562.588.005
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		111.522.635.940	125.219.510.282
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	80.710.275.949	61.629.790.612
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	5.702.830.442	4.540.527.106
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	31.651.605.360	65.310.190.722
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.7	(6.542.075.811)	(6.260.998.158)
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	73.623.380.014	77.979.701.776
1. Hàng tồn kho	141		73.990.820.596	78.794.690.358
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(367.440.582)	(814.988.582)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		494.103.025	
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.17	494.103.025	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		326.441.992.507	177.080.488.260
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		118.592.170.598	46.956.121.047
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	16.918.431.393	16.918.431.393
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.6	101.673.739.205	30.037.689.654
II. Tài sản cố định	220		29.303.624.217	8.199.294.111
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	29.186.869.617	8.024.162.211
- Nguyên giá	222		38.888.770.589	15.592.073.855
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(9.701.900.972)	(7.567.911.644)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	116.754.600	175.131.900
- Nguyên giá	228		350.263.800	350.263.800
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(233.509.200)	(175.131.900)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	1.536.418.520	
- Nguyên giá	231		1.580.316.192	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(43.897.672)	
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		35.477.257.811	2.082.792.171
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	35.477.257.811	2.082.792.171
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	136.218.085.366	115.379.345.695
1. Đầu tư vào công ty con	251		114.019.345.695	88.019.345.695
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		260.000.000	260.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(701.815.329)	
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		22.640.555.000	27.100.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.314.435.995	4.462.935.236
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	1.249.344.525	368.009.546
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	4.065.091.470	4.094.925.690
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		642.124.710.056	506.984.132.716

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số dư tại ngày 31/12/2017	Số dư tại ngày 01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		308.449.122.809	227.385.355.430
I. Nợ ngắn hạn	310		266.187.359.809	207.914.641.430
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	70.182.560.614	53.529.104.025
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	47.307.402.323	50.971.723.799
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.17	4.866.841.493	4.601.826.909
4. Phải trả người lao động	314		12.116.706.403	2.342.753.441
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	46.535.800.516	60.611.211.634
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.20	24.021.714.199	11.408.545.166
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	2.572.184.483	1.532.825.710
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22	49.758.818.678	16.525.032.433
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.23	3.487.231.814	1.355.494.407
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.24	5.338.099.286	5.036.123.906
II. Nợ dài hạn	330		42.261.763.000	19.470.714.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.21	225.000.000	
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22	42.036.763.000	19.470.714.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.25	333.675.587.247	279.598.777.286
I. Vốn chủ sở hữu	410		333.675.587.247	279.598.777.286
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		119.999.070.000	119.999.070.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		119.999.070.000	119.999.070.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.700.930.000	5.700.930.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		44.411.814.794	35.776.975.740
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		163.563.772.453	118.121.801.546
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		63.629.162.352	27.410.478.189
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		99.934.610.101	90.711.323.357
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		642.124.710.056	506.984.132.716

Tiền Giang, ngày 25 tháng 1 năm 2018

Người lập biểu



HUỲNH THỊ MỸ HƯƠNG

Kế toán trưởng



LÊ MỸ PHƯỢNG

Tổng Giám đốc



TRẦN HOÀNG HUÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 4/2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		104.457.395.304	78.605.107.552	298.690.308.800	366.239.078.212
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-		-	109.008.591
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.1	104.457.395.304	78.605.107.552	298.690.308.800	366.130.069.621
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	86.958.623.800	67.322.533.047	227.786.998.420	320.103.711.719
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		17.498.771.504	11.282.574.505	70.903.310.380	46.026.357.902
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	20.954.876.162	18.813.562.685	72.712.656.013	71.788.720.003
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	518.329.052	210.697.486	1.948.964.072	1.164.494.014
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		518.329.052	206.435.051	1.247.148.743	1.158.791.188
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.784.915.521	1.003.534.074	5.647.236.849	5.197.997.010
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	11.154.147.451	2.770.676.457	23.475.612.473	15.379.168.414
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		24.996.255.642	26.111.229.173	112.544.152.999	96.073.418.467
11. Thu nhập khác	31	VI.7	59.568.267	1.050	278.984.357	597.533.297
12. Chi phí khác	32	VI.8	18.793.049	212.055.330	106.884.416	584.437.797
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		40.775.218	(212.054.280)	172.099.941	13.095.500
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		25.037.030.860	25.899.174.893	112.716.252.940	96.086.513.967
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.689.175.709	996.366.846	12.751.808.619	4.826.254.957
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(431.665.579)	915.291.227	29.834.220	548.935.653
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		23.779.520.730	23.987.516.820	99.934.610.101	90.711.323.357

Ngày 25 tháng 1 năm 2018

Người lập biểu

HUỲNH THỊ MỸ HƯƠNG

Kế toán trưởng

LÊ MỸ PHƯỢNG



Tổng Giám đốc

TRẦN HOÀNG HUÂN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Quý 4 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			-	-
1. Lợi nhuận trước thuế	01		112.716.252.940	96.086.513.967
2. Điều chỉnh cho các khoản			-	-
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.215.875.340	2.876.653.358
- Các khoản dự phòng	03		2.667.082.389	(11.114.899.721)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(10.426.809)	4.084.104
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(72.000.413.875)	(71.760.853.738)
- Chi phí lãi vay	06		1.247.148.743	1.158.791.188
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		46.835.518.728	17.250.289.158
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(26.135.206.403)	33.008.338.623
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		7.277.647.665	79.566.830.871
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		36.024.180.860	59.654.212.051
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(881.334.979)	2.116.764.691
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.700.206.933)	(1.171.213.411)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(12.080.597.964)	(2.598.862.787)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(9.535.714.800)	(6.954.215.858)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		37.804.286.174	180.872.143.338
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(58.043.859.093)	(1.512.858.436)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	896.177.205
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.700.112.474)	(58.524.948.616)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		11.259.582.292	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(6.000.000.000)	(1.128.108.821)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		17.307.660.037	29.671.652.402
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(39.176.729.238)	(30.598.086.266)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	15.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33		93.507.337.171	63.651.208.698
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(37.707.501.926)	(174.989.223.774)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(47.999.628.000)	(14.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		7.800.207.245	(110.338.015.076)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		6.427.764.181	39.936.041.996
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		87.141.844.393	47.209.886.501
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		10.426.809	(4.084.104)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		93.580.035.383	87.141.844.393

Tiền Giang, ngày 25 tháng 1 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

HUỲNH THỊ MỸ HƯƠNG

LÊ MỸ PHƯƠNG

TRẦN HOÀNG HUÂN

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2017

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200526842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, thay đổi lần thứ 13 ngày 27 tháng 12 năm 2016.

Tên tiếng Anh: TIEN GIANG INVESTMENT AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: TICCO.

Vốn điều lệ: 119.999.070.000 đồng (Một trăm mười chín tỷ chín trăm chín mươi chín triệu không trăm bảy mươi ngàn đồng).

Trụ sở chính: 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.

Công ty có 04 (bốn) đơn vị phụ thuộc và hạch toán kế toán phụ thuộc là: Xí nghiệp kinh doanh Vật liệu xây dựng, Xí nghiệp Thi công Cơ Giới có trụ sở đặt tại 90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang; Sàn giao dịch Bất động sản TICCO có trụ sở đặt tại Lô 1 KCN Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang và Văn phòng đại diện TICCO được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động ngày 27/11/2017 có trụ sở tại số 47 Nguyễn Trãi, Phường 2, TX Gò Công, Tiền Giang.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2017 là 81 người.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200526842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, thay đổi lần thứ 13 ngày 27 tháng 12 năm 2016, hoạt động của Công ty là:

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Thi công các công trình thủy lợi: Trạm bơm, cống, đập, đê, kè sông, kè biển các loại, hồ chứa nước và nạo vét rạch, kênh mương;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh cát san lấp;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Môi giới bất động sản, định giá bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quản lý bất động sản;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Thi công các công trình

- giao thông: cầu giao thông, cầu cảng, đường giao thông các loại, hệ thống cấp thoát nước;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
 - Đóng tàu và cầu kiện nổi. Chi tiết: Trung đại tu thiết bị, sửa chữa và đóng mới sà lan;
 - Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công các sản phẩm cơ khí, cửa công công trình thủy lợi;
 - Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn;
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông;
 - Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng;
 - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Khảo sát thiết kế các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; tư vấn đấu thầu, giám sát;
 - Quảng cáo. Chi tiết: Quảng cáo bất động sản;
 - Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm bằng vật liệu composite;
 - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
 - Khai thác vận tải; lập dự án các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; kinh doanh các sản phẩm bằng vật liệu composite; thiết kế, sản xuất, chế tạo thiết bị nâng.

3. Cấu trúc tập đoàn

3.1. Các công ty con trực tiếp

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1	Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Lô số 1, 2, 3, 4, 5, 6 khu công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	100,00%	100,00%
2	Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	100,00%	100,00%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	Số 3 Lê Lợi, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	75,42%	75,42%

IG T
PH
XÂY
GIANG
T. T. T.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 4/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
4	Công ty TNHH MTV Xây dựng Thùy lợi TICCO	90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	100,00%	100,00%
5	Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO	90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	100,00%	100,00%

3.2. Công ty liên kết

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1	Công ty Cổ phần Testco	Lô số 1, 2, 3 khu công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	20,00%	20,00%

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Riêng báo cáo này lập cho giai đoạn từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Các thông tin tài chính đã được soạn lập theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27-Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, được soạn lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2. Tiền và tương đương tiền

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

3. Các chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp Nhập trước – xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Nguyên tắc ghi nhận giá trị TSCĐ hữu hình

Giá trị của tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc thiết bị	04 - 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04 năm

6. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán của Công ty.

Giá trị phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 6 năm

7. Bất động sản đầu tư

Giá trị bất động sản cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính từ thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi nhận tăng nguyên giá.

Bất động sản đầu tư của công ty là dãy kiot cho thuê, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 6 năm.

8. Kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Phân loại các khoản đầu tư

- Nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty con.
- Nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.
- Nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư dài hạn khác.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các đơn vị khác được trích lập khi các đơn vị này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các đơn vị này theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày lập báo cáo tài chính

Chi phí mua sắm tài sản cố định

Chi phí mua sắm tài sản cố định phản ánh giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt, chạy thử,... tài sản trước khi đưa vào sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, và phí lãi vay.... liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày Báo cáo tài chính riêng.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo,.. tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển chi phí vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị nhỏ)/ chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào “Chi phí trả trước

dài hạn” để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất kinh doanh).

10. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện hành thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn;
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

13. Dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập vào cuối niên độ kế toán và chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Đối với dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được lập cho từng công trình xây lắp hoàn thành và được lập vào cuối kỳ kế toán năm hoặc cuối kỳ kế toán giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 4/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Đối với khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận vào chi phí bán hàng, khoản nợ dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận vào chi phí sản xuất chung.

14. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, ký cược và đầu tư tài chính dài hạn khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng;
- Doanh thu chuyển quyền sử dụng đất khu dân cư Long Thạnh Hưng và khu dân cư đường Trương Định nối dài, Khu dân cư Mỹ Thạnh Hưng và dự án khu nhà ở TM xã Trung An được ghi nhận khi hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết đồng thời thủ tục chuyển quyền sử dụng đất sang tên cho người mua đã được hoàn tất.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên cơ sở số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất từng kỳ.



Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu được xác định khi Công ty xuất hóa đơn cho khách hàng theo 2 trường hợp:

- Khi có biên bản nghiệm thu hoàn thành và xác nhận giữa hai bên A và B cho từng giai đoạn của hợp đồng xây dựng;
- Căn cứ vào khối lượng công việc thực hiện hoàn thành theo tiến độ hợp đồng xây dựng.

Chi phí của hợp đồng xây dựng

Chi phí của hợp đồng xây dựng bao gồm chi phí trực tiếp liên quan đến từng hợp đồng, chi phí chung được phân bổ cho các hợp đồng có liên quan và các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều kiện của hợp đồng xây dựng.

17. Giá vốn bất động sản được chuyển nhượng

Giá vốn bất động sản được chuyển nhượng bao gồm toàn bộ chi phí phát sinh trực tiếp cho các hoạt động phát triển đất, nhà và các chi phí khác có liên quan được phân bổ trên cơ sở hợp lý cho các hoạt động này bao gồm:

- Các chi phí về đất và phát triển đất;
- Các chi phí xây dựng và liên quan đến xây dựng;
- Các chi phí khác có liên quan phát sinh trong quá trình hình thành bất động sản như các chi phí phát sinh từ hoạt động phát triển đất và công trình trên đất hiện tại và trong tương lai của dự án (như chi phí phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật chung và chi phí phát triển quỹ đất bắt buộc dành cho các mục đích công cộng,...).

18. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.



Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số dư 31/12/2017	Số dư 01/01/2017
Tiền mặt	308.843.451	439.965.946
Tiền gửi ngân hàng (i)		
- VNĐ	24.344.709.223	19.549.484.433
- USD	8.331.498	8.607.463
- EUR	90.755.225	80.585.509
Các khoản tương đương tiền (ii)	68.827.395.986	67.063.201.042
Cộng	93.580.035.383	87.141.844.393

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 4/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(i) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tiền gửi ngân hàng	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
- USD	367,35	8.331.498
- EUR	3.362,55	90.755.225

(ii) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại lãi suất từ 4,3%/ năm đến 5,2%/ năm (năm 2016: 4,3%/ năm đến 4,8%/ năm).

Trong đó số dư tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Tiền Giang là 2.290.384.101 đồng đã được đảm bảo cho các khoản bảo lãnh ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Tiền Giang theo hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 01/2017/433488/HĐBL ngày 30 tháng 11 năm 2017 của công ty.

2. Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số dư 31/12/2017	Số dư 01/01/2017
Ngắn hạn	36.462.563.187	39.562.588.005
Tiền gửi có kỳ hạn	36.462.563.187	39.562.588.005
Dài hạn	22.640.555.000	27.100.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	22.640.555.000	27.100.000.000
Cộng	59.103.118.187	66.662.588.005

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm (ngắn hạn) và trên 1 năm (dài hạn) tại các Ngân hàng thương mại có lãi suất từ 5,3% đến 6,5% (năm 2016 từ 4,8%/ năm đến 7,1%/ năm).

Trong đó, các số dư tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Tiền Giang là 3.355.954.362 đồng (trong đó ngắn hạn: 2.284.454.362 đồng và dài hạn 1.071.500.000 đồng), đã được đảm bảo cho khoản bảo lãnh ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Tiền Giang theo hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 01/2017/433488/HĐBL ngày 30/11/2017 của công ty và khoản tiền gửi dài hạn 5.477.296.667 đồng, được đảm bảo cho hợp đồng cấp bảo lãnh theo món số 02/2017/433488/HĐBL ngày 20/12/2017 có thời hạn bảo lãnh từ 21/12/2017 đến 20/01/2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 4/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Số dư ngày 31/12/2017			Số dư ngày 01/01/2017		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	74.000.000.000		74.000.000.000	38.000.000.000		38.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	15.000.000.000		15.000.000.000	25.000.000.000		25.000.000.000
Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO	3.500.000.000		3.500.000.000	3.500.000.000		3.500.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO	7.000.000.000		7.000.000.000	7.000.000.000		7.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang (*)	14.519.345.695	(701.815.329)	14.382.284.671	14.519.345.695		15.084.100.000
Công ty Cổ phần Testco	260.000.000		350.598.441	260.000.000		330.609.469
Cộng	114.279.345.695	(701.815.329)	114.232.883.112	88.279.345.695		88.914.709.469

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết là giá được xác định theo phương pháp giá trị tài sản ròng căn cứ vào Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết tại thời điểm lập báo cáo.

(*) Ngày 21 tháng 8 năm 2017, Công ty đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang với đối tác, tổng giá trị chuyển nhượng là 15.081.100.000 đồng. Công ty đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết cho việc chuyển nhượng này.

3. Phải thu ngắn hạn khách hàng

	Số dư 31/12/2017	Số dư 01/01/2017
Phải thu khách hàng bán vật liệu xây dựng	23.723.669.010	7.628.505.554
Phải thu khách hàng thi công công trình xây dựng	44.763.536.009	44.416.715.086
Phải thu khách hàng sửa chữa, gia công cơ khí	5.590.112.540	3.353.357.540
Phải thu khách hàng thi công cơ giới	3.597.603.720	4.023.182.762
Phải thu khách hàng chuyển nhượng quyền sử dụng đất	3.035.354.670	2.208.029.670
Cộng	80.710.275.949	61.629.790.612

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 4/2017 (tiếp theo)

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***Chi tiết phải thu ngắn hạn của các khách hàng sau:****Phải thu các bên liên quan:**

Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	10.111.082.030	8.535.940.711
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	5.375.648.630	3.468.552.153
Cty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO	12.750.200.362	1.720.783.410
Cty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO	21.714.000	-

Phải thu các khách hàng khác:

Trung tâm QLKT công trình thủy lợi Long An	2.526.968.000	284.955.000
Ban QLDA ĐT XD CT Giao thông Tiền Giang	774.249.000	8.385.427.595
Ban QLDA công trình NN và PTNT Cà Mau	4.809.549.538	2.270.580.000
Ban QLDA ĐT XD CT NN và PTNT Bến Tre	5.317.999.000	2.171.500.300
BQL các tiểu dự án RETA	4.197.521.000	2.388.140.300
Ban QL các DA đầu tư xây dựng TP. Mỹ Tho	483.000.000	1.218.266.000
Công ty TNHH Khánh Khanh	1.105.050.700	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Chợ Lớn	1.314.500.000	-
Các khách hàng khác	31.922.793.689	31.185.645.143
Cộng	80.710.275.949	61.629.790.612

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số dư 31/12/2017	Số dư 01/01/2017
Trả trước cho người bán kinh doanh VLXD	166.880.200	2.178.089
Trả trước cho người bán thi công công trình	3.440.240.542	3.559.822.517
Trả trước cho người bán cơ khí	671.000.000	0
Trả trước cho người bán kinh doanh bất động sản	1.424.709.700	978.526.500
	5.702.830.442	4.540.527.106

Chi tiết trả trước các người bán sau:**Trả trước người bán là các bên liên quan:**

Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	768.008.000	768.008.000
Cty TNHH MTV Xây Dựng Tico	346.603.000	-
Cty TNHH MTV Cơ khí công trình TICCO	671.000.000	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 4/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Cty TNHH MTV XD TL TICCO	1.813.279.000	1.864.454.520
Trả trước người bán khác:		
Trung tâm phát triển quỹ đất Huyện Gò Công Đông	288.883.200	138.000.000
Trung tâm phát triển quỹ đất TX Gò Công	500.000.000	-
Công ty TNHH An Quốc Thịnh	166.880.200	-
Các nhà cung cấp khác	1.148.177.042	1.770.064.586
Cộng	5.702.830.442	4.540.527.106

5. Phải thu về cho vay dài hạn

	Số dư 31/12/2017	Số dư 01/01/2017
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO vay dài hạn	16.918.431.393	16.918.431.393
Cộng	16.918.431.393	16.918.431.393

6. Phải thu khác

	Số dư 31/12/2017	Số dư 01/01/2017
a/ Phải thu ngắn hạn khác	31.651.605.360	65.310.190.722
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	5.058.837.597	615.923.830
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	574.796.932	60.025.343.334
Công ty TNHH MTV Xây dựng thủy lợi TICCO	2.757.025.388	284.008.554
Công ty TNHH MTV Cơ khí công trình TICCO	1.751.636.777	950.459.852
Sở tài chính tỉnh An Giang	255.168.853	255.168.853
Lãi tiền gửi kỳ hạn trích trước	1.622.721.110	229.122.577
Tạm ứng nhân viên	3.389.181.082	2.507.027.282
Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Gò Công Đông	3.529.020.000	-
Tạm ứng cổ tức	11.999.879.000	28.000
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	713.338.621	443.108.440
b/ Phải thu dài hạn khác	101.673.739.205	30.037.689.654
Các khoản ký quỹ	-	60.010.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 4/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Số dư 31/12/2017	Số dư 01/01/2017
Lợi nhuận các năm của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	101.673.739.205	29.977.679.654
Cộng	133.325.344.565	95.347.880.376

3842
TY
IÂN
Y DUN
ING
TIEN G

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 4/2017 (tiếp theo)

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***7. Nợ xấu**

	31/12/2017			31/12/2016		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu khách hàng	6.389.399.188	430.218.730	(5.959.180.458)	5.828.502.963	150.400.158	(5.678.102.805)
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>						
Công ty CP Giao thông vận tải Kiên Giang	925.888.360	-	(925.888.360)	925.888.360	-	(925.888.360)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng	284.333.500	-	(284.333.500)	284.333.500	-	(284.333.500)
BQL DA ĐT XD CT NN và PTNT Cà Mau	378.200.000	189.100.000	(189.100.000)	-	-	-
Các khách hàng bê tông	1.513.769.863	-	(1.513.769.863)	1.513.769.863	-	(1.513.769.863)
Các khách hàng khác	3.287.207.465	241.118.730	(3.046.088.735)	3.104.511.240	150.400.158	(2.954.111.082)
Trả trước người bán	317.226.500	-	(317.226.500)	317.226.500	-	(317.226.500)
<i>Trả trước cho người bán khác</i>						
Công ty Sagle	115.496.500	-	(115.496.500)	115.496.500	-	(115.496.500)
Công ty Kiến trúc P.A	50.000.000	-	(50.000.000)	50.000.000	-	(50.000.000)
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Simon	56.000.000	-	(56.000.000)	56.000.000	-	(56.000.000)
Các khách hàng khác	95.730.000	-	(95.730.000)	95.730.000	-	(95.730.000)
Phải thu khác	265.668.853	-	(265.668.853)	265.668.853	-	(265.668.853)
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>						
Nguyễn Hữu Đăng Khoa	10.500.000	-	(10.500.000)	10.500.000	-	(10.500.000)
Sở tài chính tỉnh An Giang	255.168.853	-	(255.168.853)	255.168.853	-	(255.168.853)
Cộng	6.972.294.541	430.218.730	(6.542.075.811)	6.411.398.316	150.400.158	(6.260.998.158)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 4/2017 (tiếp theo)

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***8. Hàng tồn kho**

	Số dư 31/12/2017		Số dư 01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	120.677.118		98.777.622	
Công cụ, dụng cụ	396.939.958		259.889.231	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	58.616.055.095	(367.440.582)	61.184.326.216	(814.988.582)
Thành phẩm bất động sản	13.073.217.196		16.370.005.556	
Hàng hóa	1.783.931.229		881.691.733	
Cộng	73.990.820.596	(367.440.582)	78.794.690.358	(814.988.582)

(*) Bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các công trình sau:

	Số dư 31/12/2017	Số dư 01/01/2017
Khu dân cư đường Trương Định nổi dài	-	505.338.221
Khu nhà ở TM xã Trung An	20.780.607.595	57.065.571.548
KDC đường Nguyễn Trãi nổi dài	33.957.743.916	211.077.999
KDC Mỹ Thạnh Hưng	60.173.509	60.173.509
Khu dân cư Sông Đốc	-	447.548.000
Khu dân cư đường Nguyễn Trọng Dân	324.811.591	-
Các công trình xây dựng	3.492.718.484	2.894.616.939
Cộng	58.616.055.095	61.184.326.216

Số liệu chi tiêu Hàng tồn kho trên bảng cân đối kế toán của Báo cáo tài chính kiểm toán tại ngày 31/12/2016 đã được trình bày lại cho phù hợp với trình bày của Báo cáo tài chính kiểm toán cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017.

9. Chi phí trả trước

	Số dư 31/12/2017	Số dư 01/01/2017
Công cụ, dụng cụ	808.517.406	67.854.799
Chi phí sửa chữa	440.827.119	300.154.747
Cộng	1.249.344.525	368.009.546

10. Tài sản cố định hữu hình

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 4/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm (01/01/2017)	3.222.169.173	7.562.005.011	4.363.306.035	444.593.636	15.592.073.855
- Tăng trong năm	212.735.042	8.455.273.295	14.671.870.215		23.339.878.552
- Thanh lý, nhượng bán				43.181.818	43.181.818
Số dư 31/12/2017	3.434.904.215	16.017.278.306	19.035.176.250	401.411.818	38.888.770.589
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm (01/01/2017)	2.736.694.306	1.905.648.647	2.578.840.356	346.728.335	7.567.911.644
- Khấu hao trong kỳ	321.646.802	1.070.063.656	759.635.236	25.825.452	2.177.171.146
- Thanh lý, nhượng bán				43.181.818	43.181.818
Số dư 31/12/2017	3.058.341.108	2.975.712.303	3.338.475.592	329.371.969	9.701.900.972
Giá trị còn lại					
- Tại ngày 01/01/2017	485.474.867	5.656.356.364	1.784.465.679	97.865.301	8.024.162.211
- Tại ngày 31/12/2017	376.563.107	13.041.566.003	15.696.700.658	72.039.849	29.186.869.617
Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng					
- Tại ngày 01/01/2017	357.170.709	111.378.140	1.134.511.500	327.511.818	1.930.572.167
- Tại ngày 31/12/2017	518.914.526	111.378.140	1.134.511.500	284.330.000	2.049.134.166
Giá trị còn lại của TSCĐ đang thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay và bảo lãnh tại các ngân hàng và tổ chức tín dụng					
- Tại ngày 01/01/2017	284.078.223	5.239.561.639	1.549.627.361	30.113.634	7.103.380.857
- Tại ngày 31/12/2017	169.737.371	12.489.735.971	15.433.057.297	72.039.849	28.164.570.488

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 4/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Tài sản cố định vô hình (Phần mềm kế toán)

Chỉ tiêu	Số dư 01/01/2017	Tăng	Giảm	Số dư 31/12/2017
Nguyên giá	350.263.800	-	-	350.263.800
Giá trị hao mòn lũy kế	175.131.900	58.377.300	-	233.509.200
Giá trị còn lại	175.131.900	58.377.300	-	116.754.600

12. Bất động sản đầu tư (Dãy kiot cho thuê)

Chỉ tiêu	Số dư 01/01/2017	Tăng	Giảm	Số dư 31/12/2017
Nguyên giá		1.580.316.192		1.580.316.192
Giá trị hao mòn lũy kế		43.897.672		43.897.672
Giá trị còn lại				1.536.418.520

13. Chi phí xây dựng dở dang

	Số dư 31/12/2017	Số dư 01/01/2017
<i>Mua sắm tài sản cố định</i>	<i>7.657.113.559</i>	<i>968.181.818</i>
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>27.820.144.252</i>	<i>1.114.610.353</i>
Xây dựng Nhà máy bê tông	0	196.886.038
Xây mới Văn phòng làm việc TICCO	6.123.174.462	108.843.553
Cụm Công Nghiệp Gia Thuận 1	21.130.603.478	561.738.546
Cụm Công Nghiệp Gia Thuận 2	504.358.642	213.903.636
Nhà kho	62.007.670	33.238.580
Cộng	35.477.257.811	2.082.792.171

Số liệu chi tiêu chi phí xây dựng cơ bản dở dang trên bảng cân đối kế toán của Báo cáo tài chính kiểm toán tại ngày 31/12/2016 đã được trình bày lại cho phù hợp với các trình bày của Báo cáo tài chính kiểm toán cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017.

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Các khoản chi phí trích trước	Số tiền tạm thu KD BĐS	Chi phí dự phòng và chi phí phân bổ	Các khoản lỗ tính thuế	Cộng
Số dư 01/01/2017	61.931.153	386.240.144	299.516.265	3.347.238.128	4.094.925.690
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	296.923.424	(74.419.937)	(43.157.771)	(209.179.936)	(29.834.220)
Số dư 31/12/2017	358.854.577	311.820.207	256.358.494	3.138.058.192	4.065.091.470

15. Phải trả người bán ngắn hạn

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 4/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Số dư 31/12/2017	Số dư 01/01/2017
Phải trả người bán vật liệu xây dựng	12.629.599.230	2.726.238.571
Phải trả người bán thi công công trình	53.220.447.408	46.711.396.108
Phải trả người bán thi công cơ giới	37.520.998	304.499.503
Phải trả người bán gia công cơ khí	3.634.826.912	2.576.491.000
Phải trả người bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất	660.166.066	1.210.478.843
Cộng	70.182.560.614	53.529.104.025

Chi tiết phải trả ngắn hạn của các người bán sau:**Phải trả người bán là các bên liên quan:**

Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	140.776.020	113.946.170
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	17.214.869.400	28.429.267.115
Cty TNHH MTV Cơ khí công trình TICCO	3.634.826.912	2.576.491.000
Cty TNHH MTV Xây dựng thủy lợi TICCO	25.011.267.282	5.723.411.328
Công ty CP ĐT & XD TICCO An Giang	1.118.170.926	2.382.001.426

Phải trả người bán khác:

Cty Cổ phần 6.3	4.209.282.052	5.976.049.659
Công ty CP Xây dựng Thới Bình	3.357.230.000	0
DNTN Lê Thành Tài	4.950.564.735	650.850.145
Công ty TNHH XD & GT Hưng Vạn	5.223.168.000	0
Các khách hàng khác	5.322.405.287	7.677.087.182
Cộng	70.182.560.614	53.529.104.025

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số dư 31/12/2017	Số dư 01/01/2017
Người mua vật liệu xây dựng trả tiền trước	22.960.000	2.641.000
Người mua cơ khí trả tiền trước	1.644.600.000	-
Người mua thi công công trình trả tiền trước	38.471.735.823	12.714.982.799
Người mua thi công cơ giới trả tiền trước	7.800.000	7.800.000
Người mua chuyển nhượng quyền sử dụng đất trả tiền trước	7.160.306.500	38.246.300.000
Cộng	47.307.402.323	50.971.723.799

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 4/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	<u>Số dư 31/12/2017</u>	<u>Số dư 01/01/2017</u>
Chi tiết khoản người mua ứng tiền trước sau:		
BQL DA CT NN & PT NT Cà Mau	0	2.743.709.102
Ban QLDA ĐT XD CT NN và PTNT Bến Tre	18.328.747.600	0
Ban QLDA ĐT XD CT Giao thông Tiền Giang	3.680.000.000	0
Ban quản lý các dự án đầu tư huyện Cai Lậy	5.757.710.000	0
Khách hàng dự án khu nhà ở TM xã Trung An	5.953.895.000	37.408.843.500
Các khách hàng khác	13.587.049.723	10.819.171.197
Cộng	47.307.402.323	50.971.723.799

17. Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

Thuế GTGT được khấu trừ:

Chỉ tiêu	01/01/2017	Phát sinh tăng	Kết chuyển khấu trừ	31/12/2017
Thuế GTGT đc khấu trừ	-	23.249.125.388	22.755.022.363	494.103.025

Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước:

Chỉ tiêu	Số dư 01/01/2017		Phát sinh			Số dư 31/12/2017	
	Phải thu	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế TNDN	-	4.108.629.404	12.080.597.964	12.751.808.619	-	-	4.779.840.059
Thuế GTGT	-	411.363.795	6.380.369.518	28.724.028.086	22.755.022.363	-	-
Thuế môn bài	-	-	6.500.000	6.500.000	-	-	-
Thuế đất	-	-	325.190.107	325.190.107	-	-	0
Thuế TNCN	-	81.833.710	2.567.994.870	2.573.162.594	-	-	87.001.434
Cộng	-	4.601.826.909	21.360.652.459	44.380.689.406	22.755.022.363	-	4.866.841.493

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số dư 31/12/2017</u>	<u>Số dư 01/01/2017</u>
Phải trả gia công sản phẩm cơ khí	-	5.384.000
Giá vốn ước tính các dự án khu dân cư	42.891.392.422	58.323.819.351
Chi phí thi công công trình xây dựng	3.282.841.627	1.819.425.187
Chi phí lãi vay phải trả	230.433.127	133.340.810
Các chi phí phải trả khác	131.133.340	329.242.286
Cộng	46.535.800.516	60.611.211.634

19. Phải trả ngắn hạn khác*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính*

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 4/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Số dư 31/12/2017	Số dư 01/01/2017
Kinh phí công đoàn	23.798.553	33.271.523
Thù lao HĐQT	66.688.731	66.688.732
Thuế TNCN	5.967.802	5.967.802
Hoa hồng bán hàng	484.779.174	484.779.174
Hoán đổi đất nền KDC Trương Định	0	379.000.887
Phải trả cổ phần hóa	176.790.020	176.790.020
Công ty cổ phần TESTCO	13.186.591	13.186.591
Công ty Cổ phần 6.3	1.696.939.950	0
Các khoản phải trả khác	104.033.662	373.140.981
Cộng	2.572.184.483	1.532.825.710

20. Doanh thu chưa thực hiện

	Số dư 31/12/2017	Số dư 01/01/2017
Doanh thu chưa thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất các dự án bất động sản	24.021.714.199	11.408.545.166
Cộng	24.021.714.199	11.408.545.166

21. Phải trả dài hạn khác

	Số dư 31/12/2017	Số dư 01/01/2017
Khoản đặt cọc của khách hàng	225.000.000	-
Cộng	225.000.000	-

22. Vay và nợ thuê tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 4/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Số dư 31/12/2017		Trong kỳ		Số dư 01/01/2017
	Giá trị	Tăng	Giảm	Phân loại nợ vay dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng	Giá trị
Vay ngắn hạn	49.758.818.678	44.811.087.171	(35.534.001.926)	23.956.701.000	16.525.032.433
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>25.802.117.678</i>	<i>44.811.087.171</i>	<i>(28.156.965.926)</i>	-	<i>9.147.996.433</i>
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (i)	25.802.117.678	44.811.087.171	(28.156.965.926)	-	9.147.996.433
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (số phải trả trong vòng 12 tháng)</i>	<i>23.956.701.000</i>	-	<i>(7.377.036.000)</i>	<i>23.956.701.000</i>	<i>7.377.036.000</i>
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang đến hạn trả	8.840.701.000	-	(7.377.036.000)	8.840.701.000	7.377.036.000
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	838.000.000	-	-	838.000.000	-
Vay dài hạn Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang	3.590.750.000	-	-	3.590.750.000	-
Vay cá nhân dự án Nguyễn Trãi	10.687.250.000	-	-	10.687.250.000	-
Vay dài hạn	42.036.763.000	48.696.250.000	(2.173.500.000)	(23.956.701.000)	19.470.714.000
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang (ii)	3.988.013.000	3.000.000.000	-	(8.840.701.000)	9.828.714.000
Vay dài hạn Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang (iii)	32.603.750.000	28.726.000.000	(2.173.500.000)	(3.590.750.000)	9.642.000.000
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (iv)	3.352.000.000	4.190.000.000	-	(838.000.000)	-
Vay cá nhân dự án Nguyễn Trãi (v)	2.093.000.000	12.780.250.000	-	(10.687.250.000)	-
Tổng cộng	91.795.581.678	93.507.337.171	(37.707.501.926)	-	35.995.746.433



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 4/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có chi tiết các khoản vay và nợ của các tổ chức tín dụng và cá nhân như sau:

(i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/433488/HĐTD ngày 30/11/2017 với hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 17/10/2018. Các khoản vay tại ngày 31/12/2017 có thời gian vay 8 tháng và chịu lãi suất theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất Ngân hàng trong từng thời kỳ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh vật liệu xây dựng, gia công các sản phẩm cơ khí, cửa cổng công trình thủy lợi và thi công các công trình. Công ty sử dụng quyền sử dụng đất thuê tại số 90, đường Đinh Bộ Lĩnh, P.9, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang và các tài sản cố định hữu hình theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/433488/HĐBĐ ngày 30/11/2017, toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng và quyền đòi nợ (khoản phải thu) để thế chấp cho khoản vay này.

Ngoài ra, Công ty còn ký kết với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 01/2017/433488/HĐBL ngày 30/11/2017 với hạn mức bảo lãnh là 194.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức bảo lãnh kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 17/10/2018. Như điều kiện đảm bảo tại Hợp đồng tín dụng hạn mức được trình bày ở trên, Công ty còn ký quỹ 5%/ giá trị bảo lãnh bằng tiền gửi không kỳ hạn của Bên được bảo lãnh hoặc cầm cố bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn để đảm bảo cho Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức này.

(ii) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang bao gồm các khoản vay sau:

(ii.1). Hợp đồng tín dụng số 0282/15/TD/XXVI ngày 10 tháng 02 năm 2015:

- Hạn mức tín dụng là 45.000.000.000 VND;
- Thời hạn của Hợp đồng là 48 tháng, thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Mục đích của khoản vay: bổ sung vốn thực hiện Dự án Khu nhà ở thương mại xã Trung An, thành phố Mỹ Tho (Dự án Khu Dân cư Lê Văn Phẩm);
- Tài sản đảm bảo: các quyền sử dụng đất của Dự án Khu Dân cư Long Thạnh Hưng, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang và quyền sử dụng đất tại P.6 TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;
- Tại ngày 31/12/2017, số dư nợ vay của hợp đồng tín dụng 0282/15/TD/XXVI là: 9.828.714.000 đồng.

(ii.2). Hợp đồng tín dụng số 1453/17/TD/XXVI ngày 28 tháng 04 năm 2017:

- Hạn mức tín dụng là 7.375.000.000 đồng;
- Thời hạn của Hợp đồng tín dụng: 48 tháng, thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Mục đích của khoản vay: tài trợ và bồi hoàn vốn thực hiện dự án đầu tư thiết bị thi công cọc ván Bê tông dự ứng lực;
- Tài sản đảm bảo: các tài sản hình thành trong tương lai của dự án để đảm bảo cho khoản vay này;



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 4/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Tại ngày 31/12/2017, số dư nợ vay của hợp đồng tín dụng 1453/17/TD/XXVI là: 3.000.000.000 đồng.
- (iii) Khoản vay dài hạn Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang bao gồm các hợp đồng sau:
- (iii.1) Hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐTD ngày 25 tháng 02 năm 2016:
- Hạn mức tín dụng: 80.000.000.000VND;
 - Thời hạn của Hợp đồng: 48 tháng, thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
 - Mục đích của khoản vay: bổ sung vốn thực hiện Dự án khu nhà ở thương mại xã Trung An;
 - Tài sản đảm bảo: các quyền sử dụng đất của dự án khu nhà ở thương mại xã Trung An để đảm bảo cho khoản vay này;
 - Tại ngày 31/12/2017, số dư nợ vay của hợp đồng tín dụng 01/2016/HĐTD là 7.468.500.000đồng.
- (iii.2) Hợp đồng tín dụng số 02/2017/HĐTD ngày 26 tháng 07 năm 2017:
- Hạn mức tín dụng là 58.000.000.000VND;
 - Thời hạn của Hợp đồng: 36 tháng, thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
 - Mục đích khoản vay: đầu tư xây dựng đường Nguyễn Trãi nối dài và khu dân cư hai bên đường;
 - Tài sản đảm bảo: các quyền sử dụng đất của khu dân cư Long Thạnh Hưng dự án khu nhà ở thương mại xã Trung An và các tài sản khác;
 - Tại ngày 31/12/2017, số dư nợ vay của hợp đồng tín dụng 02/2017/HĐTD là: 28.726.000.000đồng.
- (iv) Hợp đồng tín dụng số 02/2017/433488/HĐTD ngày 19 tháng 12 năm 2017
- Hạn mức tín dụng là 4.190.000.000VND;
 - Thời hạn của Hợp đồng: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
 - Mục đích khoản vay: đầu tư 3 xe trộn bê tông HYUNDAI HD270;
 - Tài sản đảm bảo: các tài sản hình thành trong tương lai để đảm bảo cho khoản vay này;
 - Tại ngày 31/12/2017, số dư nợ vay của hợp đồng tín dụng 02/2017/433488/HĐTD là: 4.190.000.000đồng.
- (v) Khoản vay dài hạn các cá nhân thuộc diện đền bù giải tỏa trong dự án Nguyễn Trãi nối dài và khu dân cư hai bên đường với thời hạn vay là 15 tháng đến 20 tháng, lãi suất là 0%/năm. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh. Hình thức vay: Tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 4/2017 (tiếp theo)

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***23. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	<u>Số dư 31/12/2017</u>	<u>Số dư 01/01/2017</u>
Dự phòng phải trả các công trình cơ khí	235.138.571	278.360.520
Dự phòng phải trả các công trình thi công xây dựng	3.252.093.243	1.077.133.887
Cộng	<u>3.487.231.814</u>	<u>1.355.494.407</u>

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chỉ tiêu	Số dư 01/01/2017	Sử dụng các quỹ trong năm	Trích lập quỹ trong năm	Khấu hao TSCĐ hình thành từ quỹ phúc lợi	Số dư 31/12/2017
Quỹ khen thưởng	1.039.071.350	2.228.000.000	2.590.451.716	0	- 1.401.523.066
Quỹ phúc lợi	2.096.778.336	3.499.714.800	2.590.451.716	0	1.187.515.252
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	39.078.855	0	0	20.388.960	18.689.895
Quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý	1.861.195.365	3.808.000.000	4.677.175.708	0	2.730.371.073
Cộng	5.036.123.906	9.535.714.800	9.858.079.140	20.388.960	5.338.099.286

25. Vốn đầu tư chủ sở hữu**a. Tình hình vốn chủ sở hữu**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 4/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2016	100.000.000.000	10.700.000.000	30.182.457.785	64.240.914.215	205.123.372.000
Tăng vốn trong năm	10.000.000.000	5.000.000.000	-	-	15.000.000.000
Tăng vốn từ thặng dư vốn cổ phần	9.999.070.000	(9.999.070.000)	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	90.711.323.357	90.711.323.357
Trích lập các quỹ	-	-	5.594.517.955	(16.830.436.026)	(11.235.918.071)
Chia cổ tức	-	-	-	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2016	119.999.070.000	5.700.930.000	35.776.975.740	118.121.801.546	279.598.777.286
Số dư tại ngày 01/01/2017	119.999.070.000	5.700.930.000	35.776.975.740	118.121.801.546	279.598.777.286
Lãi trong năm	-	-	-	99.934.610.101	99.934.610.101
Trích lập các quỹ	-	-	8.634.839.054	(18.492.918.194)	(9.858.079.140)
Chia cổ tức	-	-	-	(35.999.721.000)	(35.999.721.000)
Số dư tại ngày 31/12/2017	119.999.070.000	5.700.930.000	44.411.814.794	163.563.772.453	333.675.587.247

b. Vốn điều lệ

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (sửa đổi), vốn điều lệ của Công ty tương ứng là 119.999.070.000 đồng. Tại ngày 31/12/2017, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ theo giấy phép.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 4/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

c. Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.999.907	11.999.907
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.999.907	11.999.907
+ Cổ phiếu phổ thông	11.999.907	11.999.907
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.999.907	11.999.907
+ Cổ phiếu phổ thông	11.999.907	11.999.907
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/10/2016 đến 31/12/2016
Doanh thu bán vật liệu xây dựng	24.596.087.380	8.232.993.662
Doanh thu thi công công trình xây dựng	52.964.118.917	36.011.368.667
Doanh thu thi công cơ giới	1.594.931.254	2.452.217.904
Doanh thu kinh doanh bất động sản	24.778.630.480	29.285.416.291
Doanh thu khác	523.627.273	2.623.111.028
Doanh thu thuần	104.457.395.304	78.605.107.552
Doanh thu các bên liên quan		
Cty TNHH MTV Xây dựng TICCO	3.422.406.772	6.223.091.027
Cty TNHH MTV XD TL TICCO	9.653.156.596	1.564.348.553
Cty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO	25.934.545	-
Cty TNHH MTV Bê tông TICCO	6.262.582.172	3.305.678.046

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 4/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/10/2016 đến 31/12/2016
Giá vốn bán vật liệu xây dựng	22.358.748.365	6.968.467.839
Giá vốn thi công công trình	52.629.307.697	35.236.545.484
Giá vốn thi công cơ giới	1.559.122.537	1.990.194.108
Giá vốn kinh doanh bất động sản	10.020.757.203	20.537.364.588
Giá vốn khác	390.687.998	2.589.961.028
Cộng	86.958.623.800	67.322.533.047

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/10/2016 đến 31/12/2016
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.670.220.086	1.376.683.867
Lãi cho vay	43.235.991	43.235.991
Cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty liên kết	7.800.000	7.800.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty con	18.232.454.770	17.385.664.496
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.165.315	178.331
Cộng	20.954.876.162	18.813.562.685

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/10/2016 đến 31/12/2016
Chi phí lãi vay	518.329.052	206.435.051
Chênh lệch (tỷ giá)	0	4.262.435
Cộng	518.329.052	210.697.486

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 4/2017 (tiếp theo)

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***5. Chi phí bán hàng**

	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/10/2016 đến 31/12/2016
Chi phí nhân viên	331.468.132	334.812.743
Chi phí vật liệu, bao bì	1.333.380.514	602.200.874
Chi phí dụng cụ đồ dùng	-	545.636
Chi phí khấu hao tài sản cố định	52.695.014	23.100.879
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.337.558	4.738.669
Chi phí bằng tiền khác	59.034.303	38.135.273
Cộng	1.784.915.521	1.003.534.074

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/10/2016 đến 31/12/2016
Chi phí nhân viên quản lý	11.817.341.247	1.796.142.602
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	69.084.033	57.018.538
Chi phí dụng cụ quản lý	34.215.358	47.448.688
Chi phí khấu hao	55.503.493	149.198.909
Thuế, phí, lệ phí	131.801.889	239.380.352
Chi phí dự phòng (hoàn nhập)	(2.387.221.502)	(684.212.275)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	129.404.766	190.394.178
Chi phí bằng tiền khác	1.304.018.167	975.305.465
Cộng	11.154.147.451	2.770.676.457

7. Thu nhập khác

	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/10/2016 đến 31/12/2016
Hoàn nhập chi phí bảo hành công trình	31.711.540	

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 4/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thu khác	27.856.727	1.050
Cộng	59.568.267	1.050

8. Chi phí khác

	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/10/2016 đến 31/12/2016
Tiền phạt	-	201.112.303
Chi phí xử lý công nợ	-	10.943.027
Chi phí khác	18.793.049	
Cộng	18.793.049	212.055.330

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/10/2016 đến 31/12/2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.867.161.470	707.213.736
Chi phí nhân công	12.189.144.488	2.130.955.345
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.348.602.062	470.165.862
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.181.629.922	67.704.877.112
Chi phí khác	9.220.485.315	1.013.440.738
Cộng	99.807.023.257	72.026.652.793

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Chi tiết giao dịch trong giai đoạn từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017 với các bên liên quan**

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
GIAO DỊCH BÁN		
CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG THỦY LỢI TICCO		
	- Lợi nhuận chuyển về quý 4/2017	1.583.617.196
	- Tiền điện	1.180.688
	- Chi phí chi hộ đấu thầu	74.772.453
	- Sửa chữa máy móc	17.208.927

842-C
 TY
 AN
 Y DUNG
 NG
 TIEN G

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 4/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
	- Thuê máy móc thiết bị	486.807.942
	- Bán vật liệu xây dựng	9.149.139.727
CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ CÔNG TRÌNH TICCO		
	- Lợi nhuận chuyển về quý 4/2017	971.911.611
	- Tiền điện	32.732.222
	- Chi phí chi hộ đầu thầu	31.845.051
	- Sửa chữa máy móc, thiết bị	19.740.000
	- Thuê máy móc thiết bị	6.194.545
CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG TICCO		
	- Lợi nhuận chuyển về quý 4/2017	3.537.675.774
	- Tiền điện	4.102.832
	- Chi phí chi hộ	113.062.660
	- Thuê máy móc, thiết bị	1.118.452.929
	- Bán vật liệu xây dựng	2.303.953.843
CÔNG TY TNHH MTV BÊ TÔNG TICCO		
	- Lợi nhuận chuyển về quý 4/2017	12.139.250.189
	- Tiền điện	483.237.219
	- Lãi vay	43.235.991
	- Chi hộ đầu tư nhà máy bê tông	208.293.538
	- Thuê máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải	148.377.273
	- Bán vật liệu xây dựng	6.114.204.899
GIAO DỊCH MUA		
CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG THỦY LỢI		
	- Khối lượng thi công công trình	21.929.676.000
	- Dự án đóng cọc dự ứng lực	703.859.148
	- Ca máy phục vụ	7.405.041
CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ CÔNG TRÌNH		
	- Khối lượng thi công công trình	4.606.256.364
CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG TICCO		
	- Khối lượng thi công công trình	20.624.560.112
	- Tiền điện nước kiot	2.883.647
CÔNG TY TNHH MTV BÊ TÔNG TICCO		
	- Bê tông tươi	23.492.000
	- Mua và cạp vật tư	104.275.273

2. Chi tiết số dư tại ngày 31/12/2017 với các bên liên quan

BÊN LIÊN QUAN	Số dư các khoản mục	Số dư tại ngày 31/12/2017
SỐ PHẢI TRẢ		
CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG THỦY LỢI		

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 4/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

BÊN LIÊN QUAN	Số dư các khoản mục	Số dư tại ngày 31/12/2017
	- Phải trả thi công công trình	25.011.267.282
CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ CÔNG TRÌNH		
	- Phải trả thi công công trình	3.634.826.912
CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG TICCO		
	- Phải trả thi công công trình	17.214.869.400
CÔNG TY TNHH MTV BÊ TÔNG TICCO		
	- Phải trả mua bê tông tươi	101.700.720
	- Phải trả tiền cấp vật tư	39.075.300
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TICCO AN GIANG		
	- Phải trả thi công công trình	1.118.170.926
SỐ PHẢI THU		
CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG THỦY LỢI		
	- Phải thu thuê máy móc, thiết bị	585.453.662
	- Phải thu mua vật liệu	12.164.746.700
	- Ứng trước thi công công trình	1.813.279.000
	- Phải thu lợi nhuận năm 2017	2.600.170.330
	- Phải thu chi hộ	156.855.058
CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ CÔNG TRÌNH		
	- Phải thu thuê máy móc, thiết bị	21.714.000
	- Ứng trước thi công công trình	671.000.000
	- Phải thu lợi nhuận năm 2017	1.751.636.777
CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG TICCO		
	- Ứng trước thi công công trình	346.603.000
	- Phải thu mua bán cừ larsen	2.848.957.130
	- Phải thu lợi nhuận năm 2017	4.342.479.677
	- Phải thu thuê máy móc thiết bị	3.343.069.620
	- Phải thu mua vật liệu xây dựng	3.919.055.280
CÔNG TY TNHH MTV BÊ TÔNG TICCO		
	- Ứng trước	768.008.000
	- Phải thu thi công công trình	1.645.579.000
	- Phải thu mua vật liệu xây dựng	3.730.069.630
	- Phải thu lợi nhuận năm 2017	54.590.325.930
	- Phải thu lợi nhuận năm 2016	47.083.413.275
	- Phải thu khác	574.796.932

3. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong quý 4 năm 2017 từ lương, thưởng, phụ cấp là 740.272.000đồng (Trong năm 2017 là 3.887.473.812đồng)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 4/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán, báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán, trong đó có một số chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán đã được trình bày lại cho phù hợp tại báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 đã được kiểm toán. Số liệu quý 4/2017 của Báo cáo kết quả hoạt động kinh được so sánh với số liệu trên Báo cáo kết quả kinh doanh quý 4/2016.

Tiền Giang, ngày 25 tháng 1 năm 2018

Người lập biểu



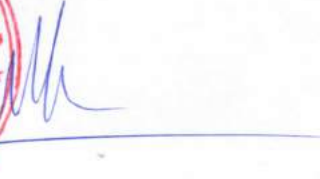
HUỲNH THỊ MỸ HƯƠNG

Kế toán trưởng



LÊ MỸ PHƯỢNG

Tổng Giám đốc



TRẦN HOÀNG HUÂN

